

Bản án số: 13/2022/HNGĐ-PT

Ngày: 25-8-2022

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Ích Yên

Bà Nguyễn Minh Lý.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Thanh Thúy - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Hương Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử vụ án Hôn nhân gia đình phúc thẩm, thụ lý số 12/2022/TLPT-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung. Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 09/2022/HNGĐ-ST ngày 14 tháng 6 năm 2022 của Toà án nhân dân thành phố S, tỉnh Thái Nguyên bị kháng cáo. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 12/2022/QĐPT-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2022 bằng hình thức trực tuyến, trong đó điểm cầu Trung tâm tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh, 01 điểm cầu thành phần tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Chu Thị T, sinh năm 1984.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn H, xã M, huyện M.L, tỉnh ND.

Chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố Đ.C, phường L.M, quận B.T.L, thành phố Hà Nội; (Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Anh Q, sinh năm 1982.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố D, phường T.L, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên.

(Hiện đang chấp hành án tại Đội 20, K1, Trại giam Phú Sơn 4). Có mặt.

3. Những người tham gia tố tụng khác: Anh Vương Văn M, anh Phạm Văn K – là người dẫn giải.

4. Người kháng cáo: Anh Nguyễn Anh Q là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo nội dung bản án sơ thẩm: Chị Chu Thị T và anh Nguyễn Anh Q đều thống nhất khai anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T.L, thị xã (nay là thành phố) S, tỉnh Thái Nguyên năm 2011 trên cơ sở tự nguyện, có tổ

chức lễ cưới theo phong tục. Anh chị đã có một con chung là Nguyễn Anh T1, sinh ngày 23/4/2012, hiện đang sống với chị T. Theo chị T lý do làm đơn xin ly hôn là do sau khi kết hôn được một thời gian ngắn thì anh Q bị bắt để điều tra do vi phạm pháp luật và bị kết án phạt 18 năm tù, qua thời gian tình cảm vợ chồng dần phai nhạt, đến nay chị không còn tình cảm vợ chồng với anh Q nên xin được ly hôn; khi ly hôn chị xin được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh Q phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con; còn anh Q xác định vẫn còn yêu thương chị T nên không nhất trí ly hôn, về con chung anh có nguyện vọng được gặp con (T1) và nghe ý kiến trực tiếp của con thì anh sẽ có ý kiến của mình.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T xác định không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn anh Q xác định vợ chồng có tài sản chung là nhà, đất đứng tên bà Vũ Thị Th là mẹ đẻ của chị T, do hiện nay anh vẫn đang chấp hành án nên anh chưa cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh; Về nợ chung, anh xác định vợ chồng cũng có nợ chung tuy nhiên hiện nay anh chưa có điều kiện để chứng minh.

Với nội dung trên, tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 09/2022/HNGĐ-ST ngày 14 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Thái Nguyên đã xét xử và quyết định:

Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật Thi hành án dân sự, Luật phí, lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. *Tuyên xử:*

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu của chị Chu Thị T được ly hôn anh Nguyễn Anh Q.

2. *Về con chung:* Giao cho chị Chu Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Anh T1, sinh ngày 23/4/2012. Anh Q được quyền thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Nguyễn Anh Q.

3. *Về tài sản, nợ chung:* Tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi anh Q có yêu cầu và có đủ điều kiện làm các thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 18/6/2022, anh Nguyễn Anh Q có đơn kháng cáo không đồng ý đối với bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Thái Nguyên với nội dung như sau: Trong hồ sơ vụ án thông tin chỗ ở hiện tại của chị T là ở 91A, phố N.K, C, thành phố Hà Nội nhưng thực tế chị T hiện không ở đó, đến nay bản thân anh không được biết chỗ ở hiện nay của cháu T1 và chị T ở đâu. Anh cho rằng do chị T không muốn ai biết chị và cháu T ở đâu nên đã cố tình giấu địa chỉ chỗ ở hiện nay. Hai năm nay anh không được gặp và không được biết thông tin về cháu

T1 nên anh có nguyện vọng được thăm gặp cháu để được biết thông tin của cháu. Anh đề nghị Tòa cho anh được gặp con trai để được trực tiếp nghe nguyện vọng của cháu đồng thời yêu cầu chị T cung cấp địa chỉ chỗ ở, nơi học tập của cháu, tạo điều kiện cho người thân trong gia đình anh thăm nom cháu trong thời gian anh đang chấp hành án phạt tù và có nguyện vọng được đón cháu lên thăm gặp anh nếu như cháu mong muốn. Anh đề nghị Tòa án phúc thẩm xét xử lại cho anh được gặp con, yêu cầu chị T cung cấp địa chỉ chính xác để anh và người thân trong gia đình anh thực hiện được việc nuôi con và quyền đi lại thăm nom con chung để đảm bảo quyền lợi cho anh. Vì mục đích của bản thân chị T cương quyết xin ly hôn thì anh không có ý kiến gì với quyết định của Tòa án. Việc nợ chung và tài sản chung anh đồng ý sẽ chuyển sang giải quyết bằng vụ án khác.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn anh Q giữ nguyên nội dung đã kháng cáo và trình bày: Anh nhất trí việc Tòa án sơ thẩm giao con cho chị T nuôi dưỡng, tuy quyền thăm nom con chung là chưa được đảm bảo, đề nghị rõ quyền này của anh vào trong quyết định bản án để anh và người thân của anh thay anh thực hiện việc đi lại chăm sóc con chung, tránh tình trạng chị T lại gây khó khăn, cản trở người thân của anh thực hiện quyền này, vì hai năm nay chị T đã giấu hoàn toàn địa chỉ, cắt đứt hoàn toàn liên lạc giữa anh cũng như người thân của anh với con (T1).

Chị T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, trong đơn chị T trình bày: Chị nhất trí với các quyết định của bản án sơ thẩm, việc anh Q yêu cầu chị phải cho anh Q được quyền đi lại thăm nom con chung và phải cung cấp địa chỉ của chị cho anh Q thì chị đã thực hiện đầy đủ, ngày lễ tết chị vẫn cho con về với gia đình bên nội và thường xuyên cho con gọi điện về hỏi thăm sức khỏe ông bà, tuy nhiên bản thân ông bà cũng không quan tâm đến cháu, một năm chỉ gọi điện được một hai lần, chưa bao giờ chủ động đến thăm cháu. Chị cũng đã cho con đến thăm anh Q tại nơi anh Q chấp hành án nhưng sau đó về nhà thì tâm lý cháu T1 bị ảnh hưởng nên chị và anh Q mới bàn nhau không cho cháu đến thăm anh Q nữa và chị phải nói dối con là bố đi công tác ở nước ngoài. Hiện anh Q đang chấp hành án không được quyền nuôi con, do vậy Tòa án giao con cho chị là đúng, sau này anh Q chấp hành án xong thì chị sẽ tạo mọi điều kiện cho anh Q thực hiện quyền của mình theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát phát biểu sự tuân theo pháp luật của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa từ khi thụ ký vụ án đến trước khi nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận một phần kháng cáo của anh Nguyễn Anh Q, sửa bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số

09/2022/HNGĐ-ST ngày 14/6/2022 của Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Thái Nguyên

+ Giao con chung Nguyễn Anh T1, sinh ngày 23/4/2012 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Anh Q có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở.

Tạm hoãn việc cấp phí tổn nuôi con chung cho anh Q do chị T không có yêu cầu. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có thể yêu cầu thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung và được giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác khi các bên đương sự có yêu cầu.

+ Anh Q không phải chịu án phí ly hôn phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa; sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của anh Q làm trong hạn luật định, đã nộp dự phí kháng cáo hợp lệ nên được xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Chị T vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án

[2] Xét kháng cáo của anh Nguyễn Anh Q thấy:

[2.1] Anh Nguyễn Anh Q và chị Chu Thị T kết hôn năm 2011, có thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, nên là cuộc hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Anh chị đã có một con chung là Nguyễn Anh T1, sinh ngày 23/4/2012, hiện đang sống với chị T.

[2.2] Do tình cảm vợ chồng không còn nên chị T đã xin ly hôn và được Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận; Về tài sản chung và nợ chung, tách ra giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác. Anh Q cũng nhất trí với các quyết định này của bản án sơ thẩm.

[2.3] Về con chung: Tại phiên tòa anh Q nhất trí việc Tòa án sơ thẩm quyết định giao con cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, tuy nhiên anh đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm buộc chị T phải cung cấp địa chỉ chính xác để người thân của anh thay anh thực hiện quyền thăm nom con chung và cũng đề nghị chị T đưa con đến thăm anh trong thời gian anh đang chấp hành án để anh được gặp và trao đổi trực tiếp với con. Còn chị T xác định, chị đã cho con (T1) đi thăm gặp anh Q nhưng sau đó con (T1) về nhà tâm lý bị ảnh hưởng, do vậy chị phải nói dối con là anh Q đi nước ngoài, chị không ngăn cản quyền thăm nom của anh Q cũng như người thân của anh Q đối với cháu T1.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Chị T hiện đang làm tại Công ty Viễn thông Viettel có thu nhập ổn định thực tế là 9.061.000 đồng/tháng, đủ điều kiện nuôi dạy, chăm sóc con chung, từ năm 2012 cho đến nay cháu T1 vẫn sống chung với chị T. Anh Q hiện đang chấp hành án tại đội 20, K1, Trại Giam Phú Sơn 4 do đó không đủ điều kiện chăm sóc nuôi dạy con chung. Mặt khác khi cha mẹ ly hôn thì

phải đảm bảo điều kiện tốt nhất cho trẻ, việc Tòa án cấp sơ thẩm giao con cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ, phù hợp với các quy định của pháp luật và nguyện vọng của cháu T1. Bản thân anh Q cũng nhất trí việc chị T nuôi con chung, nhưng anh chỉ yêu cầu được ghi nhận để anh thực hiện quyền thăm nom do luật quy định thông qua thân nhân của mình, để đảm bảo rằng cháu T1 vẫn sống tốt, nguyện vọng này của anh Q là chính đáng phù hợp với quy định Điều 82, 83 Luật hôn nhân gia đình, nên kháng cáo của anh Q là có căn cứ chấp nhận.

[2.4] Anh Q đề nghị Tòa án buộc chị T phải cung cấp địa chỉ chỗ ở hiện nay của chị T và cháu Nguyễn Anh T1 thấy rằng: Anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được phép cản trở, tuy nhiên hiện nay anh Q đang trong quá trình chấp hành án nên không thể thực hiện quyền này một cách trực tiếp được, nhưng người thân của anh Q có thể thay anh Q thực hiện quyền và nghĩa vụ này. Do vậy, yêu cầu được thăm nom con chung và yêu cầu chị T cung cấp địa chỉ chỗ ở hiện nay của chị T và cháu T1 cho anh Q, gia đình anh Q được biết là chính đáng. Hội đồng xét xử cũng đã giải thích pháp luật cho đương sự tại phiên tòa về quyền thăm nom con chung đối với người không trực tiếp nuôi con. Bản án sơ thẩm cũng đã khẳng định đối với quyền thăm nom con chung của anh Q. Hiện địa chỉ chỗ ở của chị T cung cấp cho Tòa án là ở Tổ dân phố Đ.C, phường L.M, quận B.T.L, thành phố Hà Nội. Anh Q có thể thông qua thân nhân của mình để thực hiện quyền thăm nom theo quy định pháp luật.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Anh Q không phải chịu án phí ly hôn phúc thẩm do kháng cáo được chấp nhận.

[4] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tại phiên tòa là có căn cứ

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 309; Điều 148; Điều 227 của Bộ Luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Anh Q, sửa bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 09/2022/HNGĐ-ST ngày 14 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Thái Nguyên.

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Chu Thị T, cho chị T được ly hôn anh Nguyễn Anh Q.

- Về con chung: Giao con chung Nguyễn Anh T1, sinh ngày 23/4/2012 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung cho anh Q, do chị T không yêu cầu.

Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có thể yêu cầu thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung và được giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác khi các bên đương sự có yêu cầu.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không giải quyết. Các bên đương sự có quyền khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác khi có đơn yêu cầu.

- Về án phí:

+ Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Chu Thị T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nộp vào ngân sách Nhà nước, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 001490 ngày 27/10/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S, tỉnh Thái Nguyên.

+ Về án phí phúc thẩm: Anh Nguyễn Anh Q không phải chịu án phí ly hôn phúc thẩm, được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 001646 ngày 13/7/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S, tỉnh Thái Nguyên do anh Nguyễn Văn Q nộp thay.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND TP. S;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- THADS TP.S;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thuỷ